



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 25 - 840

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần VBIC Sơn La

Địa chỉ : Số 55, đường Tô Hiệu, thành phố Sơn La

Loại mẫu : Nước mặt

Mã số mẫu HT-PTN: 250522M3 - 25M156

Ngày nhận mẫu : 22/5/2025

Ngày trả kết quả: 05/6/2025



TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả phân tích	QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 1)	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,2	6,5 - 8,5 ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011
2	Oxy hòa tan (DO)	mg/L	6,5	≥ 6,0 ⁽¹⁾	TCVN 7325:2016
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	161	≤ 25 ⁽¹⁾	TCVN 6625:2000
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	3,5	≤ 4 ⁽¹⁾	TCVN 6001-1:2021
5	COD ^(*)	mg/L	< 9,0	≤ 10 ⁽¹⁾	SMEWW 5220C:2023
6	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	< 0,15	0,3	TCVN 6179-1:1996
7	Nitrit (NO ₂ ⁻) (tính theo N)	mg/L	< 0,05	0,05	TCVN 6178:1996
8	Tổng Nitơ TN ^(*)	mg/L	0,29	≤ 0,6 ⁽¹⁾	SMEWW 4500.N.C:2023 & SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ E:2023
9	Tổng Phosphor TP	mg/L	< 0,08	≤ 0,1 ⁽¹⁾	TCVN 6202:2008
10	Chloride (Cl ⁻)	mg/L	10	250	TCVN 6194:1996
11	Cyanide (CN ⁻)	mg/L	< 0,01	0,01	SMEWW 4500CN.C&E:2023
12	Arsenic (As)	mg/L	< 0,009	0,01	SMEWW 3113B:2023
13	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/L	< 0,009	0,02	SMEWW 3113B:2023
14	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/L	< 0,06 ^(#)	0,1	SMEWW 3111B:2023
15	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/L	< 0,10	0,5	SMEWW 3111B:2023
16	Nickel (Ni)	mg/L	< 0,009	0,1	SMEWW 3113B:2023
17	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/L	0,5	0,5	SMEWW 3111B:2023
18	Chất hoạt động bề mặt anion ^(*)	mg/L	< 0,06	0,1	TCVN 6622-1:2009
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg) ^(**)	mg/L	< 0,0004	0,001	US EPA 6020B:2014
20	Tổng Chromi (Cr)	mg/L	< 0,009	0,05	SMEWW 3113B:2023
21	Mangan (Mn)	mg/L	< 0,10	0,1	SMEWW 3111B:2023
22	Tổng Coliform ^(*)	MPN/100mL	940	≤ 1.000 ⁽¹⁾	TCVN 6187-2:1996
23	E.Coli ^(*)	MPN/100mL	20	20	

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 25 - 840

24	Coliform chịu nhiệt ^(*)	mg/L	78	$\leq 200^{(1)}$	SMEWW 9221B&E:2024
25	Tổng Phenol ^(*)	mg/L	< 0,003	0,005	TCVN 6216:1996
26	TOC ^(**)	mg/L	< 1	$\leq 4^{(1)}$	TCVN 6634:2000

Ghi chú:

- QMTT Nhà máy nước Nậm La, xã Hua La, thành phố Sơn La đợt 01 năm 2025.
- 250522M3 - 25M156: Điểm trên suối Nậm La sau điểm tiếp nhận nước thải từ Nhà máy nước Nậm La.
- Kết quả in đậm vượt GHCP của Quy chuẩn.
- (*): Chỉ tiêu chưa được công nhận VILAS.
- (**): Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - Viện hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam (VILAS 366 - VIMCERTS 079) thực hiện.
- Giá trị sau dấu < thể hiện giới hạn định lượng của phương pháp.
- (#) Giá trị sau dấu < thể hiện giới hạn phát hiện của phương pháp.
- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt:
Bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người
(1): Bảng 2. Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước
Mức A: Chất lượng nước tốt. Nước có thể được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

Sơn La, ngày 05 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG PTN

PHỤ TRÁCH
P. QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Quân

Đoàn Thị Hòa

Nguyễn Văn Hùng